

Số **245** /QĐ- TKV

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý an toàn, vệ sinh lao động
Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN- KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số: 105/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ;
- Căn cứ Luật an toàn, vệ sinh lao động- Luật 84/2015/QH13;
- Căn cứ thoả thuận của Tổng giám đốc TKV và Công đoàn TKV;
- Căn cứ Nghị quyết số: 08/2021/NQ- HĐTV ngày 03 tháng 03 năm 2021 của Hội đồng thành viên Tập đoàn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế cho các quyết định: Quyết định số: 1721/QĐ - HĐQT ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, Quyết định số: 1941/QĐ- TKV ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam và bãi bỏ Quyết định số: 797/QĐ- TKV ngày 14 tháng 4 năm 2009 của Tổng giám đốc Tập đoàn về việc ban hành quy định kiểm định thiết bị điện phòng nổ, thiết bị an toàn sử dụng trong các mỏ hầm lò.

Điều 3. Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh văn phòng, Trưởng các Ban của TKV, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Công ty con TNHH một thành viên, người đại diện phần vốn của TKV tại các Công ty con, Viện Khoa học Công nghệ mỏ- Vinacomin, Trường Cao đẳng Than- Khoáng sản Việt Nam, Trung tâm cấp cứu mỏ- Vinacomin, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ủy ban QLV nhà nước tại DN (báo cáo);
- Bộ Công thương (báo cáo);
- Bộ LĐTB&XH (báo cáo);
- Đảng uỷ, HĐTV TKV (báo cáo);
- Như điều 3 (e- copy);
- Công đoàn TKV (e- copy);
- Đảng uỷ Than Quảng Ninh (e- copy);
- Đoàn thanh niên: TKV, TQN (e- copy);
- Lưu: VT, AT, (Ch).

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Lê Minh Chuẩn



QUY CHẾ
QUẢN LÝ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Quyết định số **245**/QĐ- TKV, ngày 09 tháng 03 năm 2021)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức, quản lý, thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động của TKV và các công ty con, các đơn vị trực thuộc TKV phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của TKV.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Công ty mẹ- Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam (bao gồm Cơ quan quản lý điều hành Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ- Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam).

b) Các Công ty con của TKV gồm Công ty TNHH MTV do TKV sở hữu 100% vốn điều lệ; các đơn vị sự nghiệp hạch toán độc lập.

c) Người đại diện phần vốn của TKV tại các Công ty con.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Điều lệ TKV*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam được ban hành tại nghị định số: 105/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ.

2. “*Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam*” (viết tắt trong quy chế này là TKV) là Công ty mẹ của Tập đoàn các công ty TKV.

3. “*Đơn vị trực thuộc*” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu TKV, được tổ chức dưới hình thức chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị sự nghiệp, bao gồm các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh doanh và các đơn vị trực thuộc hoạt động sự nghiệp có thu.

4. “*Công ty con*” là doanh nghiệp do TKV giữ quyền chi phối, được tổ chức dưới các hình thức: Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên danh với nước ngoài ở Việt Nam, công ty ở nước ngoài và các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật, các đơn vị sự nghiệp hạch toán độc lập.

5. “*Tổng Giám đốc TKV*” trong Quy chế này được hiểu là Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam.

6. “*Tổng giám đốc/ giám đốc*” là từ dùng để chỉ người đứng đầu các công ty con, đơn vị trực thuộc thuộc đối tượng áp dụng trong Quy chế này.

7. “*Đơn vị*” là từ chỉ chung các công ty con, đơn vị trực thuộc.

8. “*các Ban*” là từ chỉ các Ban của TKV.

9 “*An toàn, vệ sinh lao động*” (viết tắt trong quy chế này là ATVSLĐ) là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm, có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động.

10. “*Yếu tố nguy hiểm*” là yếu tố gây mất an toàn, làm tổn thương hoặc gây tử vong cho con người trong quá trình lao động.

11. “*Yếu tố có hại*” là yếu tố gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe con người trong quá trình lao động.

12. “*Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động*” là hư hỏng của máy, thiết bị, vật tư, chất vượt quá giới hạn an toàn kỹ thuật cho phép, xảy ra trong quá trình lao động và gây thiệt hại hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho con người, tài sản và môi trường.

13. “*Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng*” là sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động lớn, xảy ra trên diện rộng và vượt khả năng ứng phó của các đơn vị.

14. Kế hoạch “*Ứng cứu sự cố, tìm kiếm cứu nạn*”, kế hoạch “*Ứng cứu khẩn cấp*” (viết tắt trong quy chế này là ƯCSC- TKCN, ƯCKC) là kế hoạch xây dựng các tình huống giả định sự cố có thể xảy ra trong quá trình sản xuất, dự kiến những biện pháp sẽ được thực hiện ngay khi phát hiện ra sự cố nhằm mục đích cứu người nhanh nhất, thủ tiêu sự cố và ngăn ngừa sự cố phát triển một cách có hiệu quả.

15. “*Tai nạn lao động*” (viết tắt trong quy chế này là TNLĐ) là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

16. “*Huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động*” (viết tắt là HLATLĐ-VSLĐ): Là việc tổ chức huấn luyện, kèm cặp, hướng dẫn, phổ biến các chính sách pháp luật của nhà nước về công tác an toàn, vệ sinh lao động; phổ biến các quy trình, quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động, biện pháp thi công, công tác Ứng cứu sự cố - Tìm kiếm cứu nạn (ƯCSC-TKCN); sơ cứu người bị nạn; thao tác sử dụng trang thiết bị an toàn lao động (ATLĐ), phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động ở các đơn vị.

17. “Phòng chống thiên tai- Tìm kiếm cứu nạn” (viết tắt trong quy chế này là PCTT- TKCN) là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

18. Các từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, các văn bản pháp luật của nhà nước thì có nghĩa tương tự trong văn bản đó. Danh từ “*Pháp luật*” được hiểu là pháp luật Việt Nam. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy chế này thay đổi thì các nội dung có liên quan sẽ được thay đổi tương ứng với nội dung.

19. “*Quan trắc môi trường lao động*” là hoạt động thu thập, phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc để có biện pháp giảm thiểu tác hại đối với sức khỏe, phòng, chống bệnh nghề nghiệp.

Điều 4. Cơ sở xây dựng quy chế

“Quy chế quản lý an toàn, vệ sinh lao động của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam” được xây dựng dựa trên: Luật An toàn, vệ sinh lao động- Luật số: 84/2015/QH13.

Điều 5. Chính sách của TKV về ATVSLĐ

1. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các đơn vị trong TKV và người lao động, các tổ chức đoàn thể khác có liên quan thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình sản xuất.

2. Đẩy mạnh đầu tư đổi mới công nghệ để: Cơ giới hoá, tự động hoá, tin học hoá vào các khâu sản xuất của TKV nhằm đảm bảo an toàn, giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn lao động và tăng năng suất lao động, tiết kiệm tài nguyên, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.

3. Đẩy mạnh công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong các ngành, lĩnh vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp như: Khai thác, đào lò, luyện kim, quặng, vật liệu xây dựng.

4. Khuyến khích các đơn vị tham gia bảo hiểm tai nạn lao động và xây dựng cơ chế đóng, hưởng linh hoạt nhằm khắc phục khó khăn cho người lao động không may bị tai nạn lao động.

5. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người lao động

a) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có quyền sau đây:

- Được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn, vệ sinh lao động; yêu cầu người sử dụng lao động có trách nhiệm bảo đảm điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình lao động, tại nơi làm việc;

- Được cung cấp thông tin đầy đủ về các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc và những biện pháp phòng, chống; được đào tạo, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động;

- Được thực hiện chế độ bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; được người sử dụng lao động đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được hưởng đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được trả phí khám giám định thương tật, bệnh tật do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; được chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động và được trả phí khám giám định trong trường hợp kết quả khám giám định đủ điều kiện để điều chỉnh tăng mức hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Yêu cầu người sử dụng lao động bố trí công việc phù hợp sau khi điều trị ổn định do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc mà vẫn được trả đủ tiền lương và không bị coi là vi phạm kỷ luật lao động khi thấy rõ có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình nhưng phải báo ngay cho người quản lý trực tiếp để có phương án xử lý; chỉ tiếp tục làm việc khi người quản lý trực tiếp và người phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động đã khắc phục các nguy cơ để bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động;

- Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

b) Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có nghĩa vụ sau đây:

- Chấp hành nội quy, quy trình và biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; tuân thủ các giao kết về an toàn, vệ sinh lao động trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể;

- Sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang cấp; các thiết bị bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

- Báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp; chủ động tham gia cấp cứu, khắc phục sự cố, tai nạn lao động theo phương án xử lý sự cố, ứng cứu khẩn cấp hoặc khi có lệnh của người sử dụng lao động hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động có quyền sau đây:

- Được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động; được Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để làm việc trong môi trường an toàn, vệ sinh lao động;

- Tiếp nhận thông tin, tuyên truyền, giáo dục về công tác an toàn, vệ sinh lao động; được huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động khi làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

- Tham gia và hưởng bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện do Chính phủ quy định.

- Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

d) Người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động có nghĩa vụ sau đây:

- Chịu trách nhiệm về an toàn, vệ sinh lao động đối với công việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật;

- Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với những người có liên quan trong quá trình lao động;

- Thông báo với chính quyền địa phương để có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi gây mất an toàn, vệ sinh lao động.

6. Quyền và nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động của người sử dụng lao động

a) Người sử dụng lao động có quyền sau đây:

- Yêu cầu người lao động phải chấp hành các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc;

- Khen thưởng người lao động chấp hành tốt và kỷ luật người lao động vi phạm trong việc thực hiện an toàn, vệ sinh lao động;

- Khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;

- Huy động người lao động tham gia ứng cứu khẩn cấp, khắc phục sự cố, tai nạn lao động.

b) Người sử dụng lao động có nghĩa vụ sau đây:

- Xây dựng, tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc thuộc phạm vi trách nhiệm của mình cho người lao động và những người có liên quan; đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

- Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ phương tiện, công cụ lao động bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động;

- Không được buộc người lao động tiếp tục làm công việc hoặc trở lại nơi làm việc khi có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của người lao động;

- Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật;

- Bố trí bộ phận hoặc người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động; phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động;

- Thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng; thống kê, báo cáo tình hình thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động; chấp hành quyết định của thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động;

- Lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

Điều 6. Phân loại sự cố

1. Sự cố loại I là các sự cố:

a) Mỏ bị ngập nước, bực nước, bực bùn vào các đường lò đang hoạt động; Đổ lò thông gió chính, cháy ngoại sinh via than, cháy nội sinh via than; Sự cố trạm quạt chính, thiết bị trực tải chính, sự cố trạm điện 35/6KV; Sự cố cháy, nổ kho chứa dầu và sự cố các thiết bị làm dừng dây chuyền cán thép; Sự cố các thiết bị chính của nhà máy tuyển than, nhà máy cơ khí; Sự cố ngập các thiết bị chủ yếu (máy xúc, máy khoan, máy bơm nước), tụt lò bãi thải đang đổ thải, sụt lò bờ moong khai thác; Sự cố sập đổ nhà, khu dân cư do ảnh hưởng của mìn nổ hoặc do ảnh hưởng của các công trình ngầm; Sự cố ngừng hoàn toàn nhà máy điện hoặc tổ máy do sự cố hệ thống thiết bị chính (lò hơi, tuabin, máy phát, máy biến áp); Sự cố các thiết bị chính của nhà máy sàng, tuyển quặng; sự cố nổ xỉ, sten, kim loại, tràn kim loại, xỉ; sự cố rò rỉ axit, vỡ ống axit, nổ axit gây hỏng hóc thiết bị chính, phụ trợ.

b) Sự cố môi trường. Sự cố cháy, nổ khí hay nổ bụi. Cháy nổ kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; Cháy kho chứa nguyên, nhiên vật liệu chính để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; Cháy phương tiện, thiết bị, dây chuyền sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ. Sự cố đắm các phương tiện thủy đang vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên sông, biển. Sự cố phương tiện, thiết bị đang vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ bị đổ, lật, bị va chạm. Sự cố bực, rò rỉ, tràn đổ hóa chất nguy hiểm ra môi trường.

c) Sự cố có liên quan đến người nước ngoài, thiết bị của người nước ngoài có quan hệ với Tập đoàn và các công ty con.

2. Sự cố loại II là các sự cố mang tính cục bộ như: Đổ lò chợ, lò chuẩn bị; Sự cố cháy kho chứa dầu; Sự cố các thiết bị của nhà máy tuyển than, nhà máy cơ khí; Sự cố gây ảnh hưởng đến khu dân cư do ảnh hưởng của mìn nổ hoặc do ảnh hưởng của các công trình ngầm; Sự cố ảnh hưởng đến nhà máy điện, nhà máy tuyển quặng, nhà máy hoá chất.

3. Sự cố loại III là các sự cố không ghi ở khoản 1, khoản 2 điều này.

Điều 7. Bộ máy quản lý an toàn, vệ sinh lao động

1. TKV, các công ty con, đơn vị trực thuộc phải có bộ phận làm công tác ATVSLĐ, tổ chức và biên chế thành ban, phòng hoặc cán bộ chuyên trách làm công tác ATVSLĐ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Tổ chức và biên chế bộ phận làm công tác ATVSLĐ do Tổng giám đốc TKV, Tổng giám đốc/giám đốc các công ty con, đơn vị trực thuộc quyết định và chịu trách nhiệm trên cơ sở bảo đảm đầy đủ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Pháp luật về công tác ATVSLĐ.

3. Tên của bộ phận làm công tác ATVSLĐ:

a) Đối với TKV: Ban An toàn (ban AT).

b) Các công ty con, đơn vị trực thuộc (có quy mô sử dụng lao động từ 1000 người trở lên): Phòng An toàn (phòng AT).

c) Đối với các đơn vị có quy mô sử dụng lao động từ:

- Dưới 50 người lao động phải bố trí ít nhất 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ bán chuyên trách;

- Từ 50 đến dưới 300 người lao động phải bố trí ít nhất 01 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách;

- Từ 300 đến dưới 1.000 người lao động, phải bố trí ít nhất 02 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách.

4. Phân cấp chỉ đạo đối với bộ phận làm công tác ATVSLĐ như sau:

a) Ban An toàn và các ban liên quan trong điều 9 Quy chế này: Chịu sự quản lý, chỉ đạo của Tổng giám đốc TKV và chịu sự quản lý trực tiếp của Phó tổng giám đốc TKV phụ trách.

b) Phòng An toàn: Chịu sự quản lý, chỉ đạo của Tổng giám đốc/ giám đốc, phó tổng giám đốc/phó giám đốc phụ trách đồng thời chịu sự quản lý nghiệp vụ của ban An toàn.

c) Cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác ATVSLĐ: Chịu sự quản lý, chỉ đạo điều hành trực tiếp của Tổng giám đốc/ giám đốc, phó tổng giám đốc/ phó giám đốc phụ trách, phòng chủ quản đồng thời chịu sự quản lý nghiệp vụ của ban An toàn.

Điều 8. Phối hợp hoạt động trong công tác ATVSLĐ

1. Bộ phận làm công tác ATVSLĐ phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý công tác ATVSLĐ của địa phương và Trung ương để tham mưu cho lãnh đạo thực hiện đúng pháp luật về ATVSLĐ.

2. Bộ phận làm công tác ATVSLĐ phải tham mưu cho Tổng giám đốc/giám đốc phối hợp với Công đoàn cùng cấp để thực hiện những việc sau:

a) Xây dựng kế hoạch ATVSLĐ hàng năm.

b) Thành lập mạng lưới ATSV, hội đồng ATVSLĐ hàng năm.

c) Tuyên truyền giáo dục cho cán bộ công nhân, người lao động về ATVSLĐ

d) Huấn luyện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các hoạt động về ATVSLĐ.

3. Bộ phận làm công tác ATVSLĐ tham mưu cho lãnh đạo phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên cùng cấp xây dựng Nghị quyết liên tịch về công tác ATVSLĐ hằng năm của đơn vị và tổ chức thực hiện theo nội dung của Nghị quyết.

Chương II **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN** **TRONG CÔNG TÁC ATVSLĐ**

Điều 9. Nhiệm vụ của các ban trong công tác ATVSLĐ

1. Ban Kỹ thuật, công nghệ mỏ

Thực hiện tham mưu cho lãnh đạo TKV về công tác ATVSLĐ trong quản lý kỹ thuật, công nghệ khai thác than; quản lý thi công các dự án mỏ than hầm lò, lộ thiên và các lĩnh vực khác ban được lãnh đạo TKV giao.

Gồm một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Tham mưu cho lãnh đạo TKV lựa chọn những công nghệ, thiết bị tiên tiến có công suất, năng suất cao phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam và thân thiện với môi trường, giảm thiểu các yếu tố có hại ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động cho từng dự án, đơn vị cụ thể.

b) Thẩm định theo phân cấp các nội dung về: Kế hoạch UCSC- TKCN, kế hoạch Ứng cứu khẩn cấp, kế hoạch khoan thăm dò phòng ngừa bực nước, khí hàng quý, năm của các đơn vị; các phương án, dự án.

c) Tham mưu ban hành các hướng dẫn, quy định, tiêu chuẩn; Tổ chức kiểm tra, giám sát các đơn vị trong việc thực hiện quy trình, quy định, quy chuẩn, quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn của TKV trong thiết kế, thi công khai thác mỏ than, thông gió, thoát nước, sàng tuyển.

d) Tham gia cứu hộ cứu nạn, điều tra tai nạn lao động chết người và các sự cố khác tại các đơn vị khi có lệnh của lãnh đạo TKV.

đ) Trong quá trình kiểm tra hiện trường sản xuất ở đơn vị: Nếu phát hiện các vi phạm về ATVSLĐ có nguy cơ mất an toàn cao, sự cố lớn thì có quyền ra lệnh đình chỉ hoặc yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc để thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn lao động, đồng thời yêu cầu giám đốc đơn vị được kiểm tra chỉ đạo thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn.

2. Ban Cơ điện, vận tải

Thực hiện chức năng tham mưu cho lãnh đạo TKV về công tác ATVSLĐ trong quản lý công tác cơ khí, cơ điện, vận tải và các lĩnh vực khác ban được lãnh đạo TKV giao.

Gồm một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Tham mưu cho Tổng giám đốc TKV ban hành các quy định về quản lý kỹ thuật công tác cơ điện, vận tải.

b) Tham mưu cho lãnh đạo TKV lựa chọn những công nghệ, thiết bị có năng suất cao và đảm bảo tính năng thân thiện với môi trường, giảm thiểu các yếu tố có hại ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết bị cơ điện, chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả cho từng mỏ, nhà máy cụ thể.

c) Thẩm định các nội dung về kỹ thuật cơ điện, vận tải do các đơn vị lập trình TKV gồm: Kế hoạch ƯCSC- TKCN, kế hoạch Ứng cứu khẩn cấp, các quy trình, sơ đồ bố trí thiết bị, sơ đồ cung cấp điện hằng năm; thẩm định về mặt kỹ thuật đối với các dự án đưa công nghệ, thiết bị, vật liệu mới trong lĩnh vực cơ điện, vận tải vào sản xuất.

d) Hướng dẫn, đào tạo nâng cao trình độ và kiểm tra các đơn vị thực hiện các quy trình, quy định về quản lý cơ điện, vận tải của nhà nước và của TKV.

đ) Tham gia cứu hộ cứu nạn, điều tra tai nạn lao động chết người và các sự cố khác tại các đơn vị khi có lệnh của lãnh đạo TKV.

e) Trong quá trình kiểm tra hiện trường sản xuất ở đơn vị: Nếu phát hiện các vi phạm về ATVSLĐ có nguy cơ mất an toàn cao, sự cố lớn thì có quyền ra lệnh đình chỉ hoặc yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc để thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn lao động, đồng thời yêu cầu giám đốc đơn vị được kiểm tra chỉ đạo thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn.

3. Ban Điều độ, sản xuất than

Thực hiện chức năng tham mưu cho lãnh đạo TKV về công tác ATVSLĐ trong công tác điều độ sản xuất, điều độ tiêu thụ than và các nhiệm vụ khác ban được lãnh đạo TKV giao.

Gồm một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Tiếp nhận các thông tin về an toàn trong quá trình sản xuất và tiêu thụ than; tiếp nhận thông tin ban đầu về mưa bão, thiên tai trong TKV. Theo đó, ban Điều độ sản xuất than phải báo cáo lãnh đạo TKV, ban chủ quản, các ban khác liên quan đến an toàn, an ninh trật tự, mưa bão, thiên tai đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin đã nhận được.

b) Tham gia cứu hộ cứu nạn, điều tra tai nạn lao động chết người và các sự cố khác tại các đơn vị khi có lệnh của lãnh đạo TKV.

c) Trong quá trình kiểm tra hiện trường sản xuất ở đơn vị: Nếu phát hiện các vi phạm về ATVSLĐ có nguy cơ mất an toàn cao, sự cố lớn thì có quyền ra lệnh đình chỉ hoặc yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc để thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn lao động, đồng thời yêu cầu giám đốc đơn vị được kiểm tra chỉ đạo thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn.

4. Ban Điện lực

Thực hiện chức năng tham mưu cho lãnh đạo TKV về công tác ATVSLĐ trong công tác phát triển các dự án điện. Tham mưu chỉ đạo thực hiện công tác ATVSLĐ, môi trường, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ trong sản xuất điện và các lĩnh vực khác ban được lãnh đạo TKV giao.

Gồm một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Tham mưu lựa chọn những công nghệ, thiết bị có năng suất cao và đảm bảo tính năng thân thiện với môi trường, giảm thiểu các yếu tố có hại ảnh hưởng đến sức khoẻ người lao động đối với từng nhà máy cụ thể.

b) Hướng dẫn, kiểm tra các công ty con sản xuất điện vận hành đúng quy trình, quy định, hướng dẫn đảm bảo an toàn, kinh tế, khai thác tối đa năng lực nhà máy điện.

c) Tổ chức thẩm định các: Kế hoạch ATVSLĐ, môi trường, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ trong sản xuất điện và các lĩnh vực khác ban được lãnh đạo TKV giao do các đơn vị lập trình TKV.

d) Tham gia cứu hộ cứu nạn, điều tra tai nạn lao động chết người và các sự cố khác tại các đơn vị khi có lệnh của lãnh đạo TKV.

đ) Trong quá trình kiểm tra hiện trường sản xuất ở đơn vị: Nếu phát hiện các vi phạm về ATVSLĐ có nguy cơ mất an toàn cao, sự cố lớn thì có quyền ra lệnh đình chỉ hoặc yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc để thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn lao động, đồng thời yêu cầu giám đốc đơn vị được kiểm tra chỉ đạo thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn.

5. Ban Khoáng sản và hoá chất

Thực hiện chức năng tham mưu cho lãnh đạo TKV về công tác ATVSLĐ trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh khoáng sản, hoá chất, vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác mà ban được lãnh đạo TKV giao

Gồm một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Tham mưu, đề xuất lựa chọn công nghệ, thiết bị có năng suất cao và đảm bảo tính năng thân thiện với môi trường, giảm thiểu các yếu tố có hại ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động đối với từng đơn vị, dự án.

b) Tham mưu xây dựng và kiểm soát thực hiện các quy trình, quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn trong sản xuất kinh doanh khoáng sản, hoá chất và vật liệu xây dựng.

c) Chủ trì thẩm định: Kế hoạch ATVSLĐ hằng năm khối khoáng sản, hoá chất và vật liệu xây dựng.

d) Trong quá trình kiểm tra hiện trường sản xuất ở đơn vị: Nếu phát hiện các vi phạm về ATVSLĐ có nguy cơ mất an toàn cao, sự cố lớn thì có quyền ra lệnh đình chỉ hoặc yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc để thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn lao động, đồng thời yêu cầu giám đốc đơn vị được kiểm tra chỉ đạo thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn.

đ) Tham gia cứu hộ cứu nạn, điều tra tai nạn lao động chết người và các sự cố khác tại các đơn vị khi có lệnh của lãnh đạo TKV.

e) Kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị khối Khoáng sản, Hoá chất, Vật liệu xây dựng thực hiện các quy định của pháp luật và quy định của TKV về công tác ATVSLĐ.

6. Ban Môi trường

Thực hiện chức năng tham mưu cho lãnh đạo TKV về công tác ATVSLĐ trong quản lý tổng hợp công tác môi trường và trực tiếp thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các khối kinh doanh theo phân công.

Gồm một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Tham mưu, đề xuất lựa chọn công nghệ, thiết bị có năng suất cao và đảm bảo tính năng thân thiện với môi trường, giảm thiểu các yếu tố có hại ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động đối với từng đơn vị, dự án.

b) Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị lập kế hoạch và thực hiện phương án PCTT-TKCN; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị phòng, chống, ứng phó với tình huống mưa bão, thiên tai. Tham gia thẩm định các yếu tố liên quan đến bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư xây dựng công trình.

c) Phối hợp với ban chuyên môn khác để tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột suất việc tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường đối với các đơn vị. Là đầu mối quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, PCTT. Là thường trực Ban chỉ đạo PCTT- TKCN của TKV (thường trực về phòng chống thiên tai), thành viên Văn phòng Ban chỉ đạo PCTT- TKCN Bộ Công Thương.

d) Tham gia cứu hộ cứu nạn, điều tra tai nạn lao động chết người và các sự cố khác tại các đơn vị khi có lệnh của lãnh đạo TKV.

đ) Trong quá trình kiểm tra hiện trường sản xuất ở đơn vị: Nếu phát hiện các vi phạm về ATVSLĐ có nguy cơ mất an toàn cao, sự cố lớn thì có quyền ra lệnh đình chỉ hoặc yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc để thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn lao động, đồng thời yêu cầu giám đốc đơn vị được kiểm tra chỉ đạo thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn.

7. Ban Tài nguyên

a) Tham gia cứu hộ cứu nạn, điều tra tai nạn lao động chết người và các sự cố khác tại các đơn vị khi có lệnh của lãnh đạo TKV.

b) Thẩm định kế hoạch ƯCSC- TKCN, đề án, báo cáo khoan thăm dò; đơn đốc kiểm tra việc thực hiện khoan thăm dò theo kế hoạch của các đơn vị đã được TKV thông qua.

c) Trong quá trình kiểm tra hiện trường sản xuất ở đơn vị: Nếu phát hiện các vi phạm về ATVSLĐ có nguy cơ mất an toàn cao, sự cố lớn thì có quyền ra lệnh đình chỉ hoặc yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc để thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn lao động, đồng thời yêu cầu giám đốc đơn vị được kiểm tra chỉ đạo thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn.

8. Ban Tổ chức nhân sự

a) Đề xuất cơ chế khuyến khích, khen thưởng cho những đơn vị làm tốt công tác an toàn, về sinh lao động theo mục tiêu và nhiệm vụ hằng năm; đề nghị xử lý kỷ luật cán bộ thuộc TKV quản lý chưa làm tốt công tác ATVSLĐ theo quy định.

b) Tham gia cứu hộ cứu nạn, điều tra tai nạn lao động nghiêm trọng và các sự cố khác tại các đơn vị khi có lệnh của lãnh đạo TKV.

c) Phối kết hợp với công đoàn cơ quan, công đoàn TKV để tham mưu giải quyết và kiểm tra, giám sát việc giải quyết chế độ cho người lao động đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

d) Thẩm định theo phân cấp giáo trình dạy học do Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam biên soạn.

9. Ban Bảo vệ

a) Trong quá trình kiểm tra hiện trường, ranh giới mỏ nếu phát hiện các sự cố, nguy cơ sự cố cháy nổ, yếu tố ảnh hưởng nghiêm trọng công tác an toàn các công trình của TKV thì có quyền yêu cầu giám đốc các đơn vị chỉ đạo thực hiện các biện pháp khắc phục, loại trừ nguy cơ.

b) Tham gia cứu hộ cứu nạn, điều tra tai nạn lao động nghiêm trọng và các sự cố khác tại các đơn vị khi có lệnh của lãnh đạo TKV.

10. Các Ban nghiệp vụ khác

a) Phối kết hợp với công đoàn cơ quan, công đoàn TKV để tham mưu giải quyết và kiểm tra, giám sát việc giải quyết chế độ cho người lao động đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

b) Tham gia cứu hộ cứu nạn, điều tra tai nạn lao động chết người và các sự cố khác tại các đơn vị khi có lệnh của lãnh đạo TKV.

Điều 10. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ban AT

Tham mưu, quản lý tổng hợp công tác ATVSLĐ của TKV. Trực tiếp giúp Tổng giám đốc TKV và Giám đốc TTDH SX tại Quảng Ninh, phó Tổng giám đốc TKV phụ trách các công việc chủ yếu sau:

1. Tổ chức điều tra các vụ tai nạn lao động chết người xảy ra tại các công ty con, đơn vị trực thuộc theo quy định của TKV và pháp luật; điều tra các sự cố loại I, II khi có lệnh của Tổng giám đốc TKV.

2. Tham mưu quản lý, theo dõi và chỉ đạo công tác tìm kiếm cứu nạn trong TKV. Là thường trực trong công tác tìm kiếm cứu nạn của TKV. Thừa lệnh lãnh đạo TKV huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật, thiết bị cấp cứu mở của Trung tâm Cấp cứu mở và các đơn vị để thực hiện công tác cứu hộ, giải quyết sự cố lớn, tai nạn lao động chết người xảy ra tại đơn vị; Chi viện cứu hộ, cứu nạn tại các địa phương và cho các doanh nghiệp khác ngoài TKV khi có lệnh của lãnh đạo TKV.

3. Tham mưu tổng hợp, thống kê TNLĐ, sự cố loại I của các đơn vị. Báo cáo định kỳ, đột xuất với lãnh đạo TKV và các cơ quan Nhà nước theo quy định về việc thực hiện công tác ATVSLĐ. Xây dựng dự thảo báo cáo sơ kết, tổng kết công tác ATVSLĐ của TKV để trình Tổng giám đốc TKV duyệt và tổ chức sơ kết 6 tháng, hội nghị tổng kết hằng năm.

4. Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện pháp luật lao động, thực hiện kế hoạch ATVSLĐ, Nghị định, Quy chuẩn, hướng dẫn, nội quy, quy chế, quy định, quy trình, biện pháp an toàn.

5. Chủ trì thẩm định kế hoạch ƯCSC- TKCN, kế hoạch ƯCKC hằng quý, kế hoạch ATVSLĐ hằng năm cho các công ty con, đơn vị trực thuộc. Thẩm định về công tác ATVSLĐ trong các dự án, phương án, thiết kế kỹ thuật khi Tổng giám đốc TKV giao.

6. Nghiên cứu, tổng hợp các: Hướng dẫn, nội quy, quy định, quy trình kỹ thuật của TKV đã ban hành trong lĩnh vực ATVSLĐ để trình Tổng giám đốc sửa đổi, bổ sung áp dụng trong TKV, đồng thời nghiên cứu các văn bản pháp luật về ATVSLĐ

đề trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi cho phù hợp với điều kiện thực tế của TKV.

7. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, chủ trì tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác ATVSLĐ tại các đơn vị; Trong quá trình kiểm tra hiện trường sản xuất ở đơn vị: Nếu phát hiện các vi phạm về ATVSLĐ có nguy cơ mất an toàn cao, sự cố lớn thì có quyền ra lệnh đình chỉ hoặc yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh đình chỉ công việc để thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn lao động, đồng thời yêu cầu giám đốc đơn vị được kiểm tra chỉ đạo thực hiện các biện pháp loại trừ nguy cơ mất an toàn và yêu cầu giám đốc đơn vị xem xét, xử lý trách nhiệm của cán bộ chỉ huy sản xuất tại công trường, cán bộ các phòng ban liên quan; Đề suất với lãnh đạo TKV xử lý trách nhiệm các cán bộ thuộc diện TKV quản lý nếu thấy hiện trường sản xuất của đơn vị được kiểm tra còn nhiều tồn tại trong công tác ATVSLĐ đã được nhắc nhở bằng văn bản nhưng chưa cương quyết chỉ đạo khắc phục các tồn tại theo kiến nghị.

8. Phối hợp với Tổng giám đốc/giám đốc các đơn vị để áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật về ATVSLĐ vào sản xuất, góp phần cải thiện điều kiện làm việc, giảm thiểu các TNLĐ, sự cố trong sản xuất.

9. Tham mưu cho lãnh đạo TKV nội dung các cuộc họp với các cơ quan quản lý Nhà nước, tổ chức quần chúng để bàn về những công việc có liên quan đến công tác ATVSLĐ. Tham dự các cuộc họp giao ban sản xuất, sơ kết, tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh và kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch ATVSLĐ của TKV; Tham dự các cuộc họp về xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh.

10. Khi có yêu cầu, được đề nghị Tổng giám đốc TKV trưng dụng cán bộ chuyên ngành thuộc các công ty con, đơn vị trực thuộc hoặc thuê chuyên gia về các lĩnh vực chuyên môn trong và ngoài nước nếu xét thấy cần thiết để phục vụ điều tra, giải quyết các vụ tai nạn lao động hoặc sự cố trong TKV.

11. Là thành viên của các hội đồng: Thi đua, sáng kiến, khoa học. Được quyền nhận xét đánh giá cán bộ do TKV quản lý trong lĩnh vực ATVSLĐ, đề nghị với Tổng giám đốc về việc thi hành kỷ luật những người vi phạm công tác ATVSLĐ trong TKV và các công ty con, đơn vị trực thuộc để xảy ra sự cố, tai nạn lao động chết người và đề nghị khen thưởng cho tập thể, cá nhân trong công tác ATVSLĐ.

12. Tham mưu cho Tổng giám đốc TKV kế hoạch huấn luyện ATVSLĐ cho các đối tượng là Trưởng, phó các ban và Trưởng, phó phòng, chuyên viên của TKV, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc/giám đốc, phó giám đốc các đơn vị theo quy định.

Điều 11. Các công ty con, đơn vị trực thuộc

Tổng giám đốc/giám đốc là người chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng thành viên TKV, trước Tổng giám đốc TKV về công tác ATVSLĐ của đơn vị.

Tổng giám đốc/giám đốc công ty con, đơn vị trực thuộc có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ về ATVSLĐ cụ thể như sau:

1. Tổng giám đốc/Giám đốc có quyền:

a) Yêu cầu người lao động phải chấp hành các nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

b) Khen thưởng người lao động chấp hành tốt và kỷ luật người lao động vi phạm trong việc thực hiện công tác ATVSLĐ.

c) Khai báo, thống kê TNLĐ, sự cố; khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2. Tổng giám đốc/Giám đốc có trách nhiệm và nghĩa vụ:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện và chủ động phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc thuộc phạm vi trách nhiệm của mình cho người lao động và những người có liên quan; đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

b) Tổ chức đánh giá, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc để đề ra các biện pháp kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động; thực hiện các biện pháp khử độc, khử trùng cho người lao động làm việc ở nơi có yếu tố gây nhiễm độc, nhiễm trùng. Hằng năm phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, công cụ lao động bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện việc chăm sóc sức khỏe, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

d) Không buộc người lao động tiếp tục làm công việc hoặc trở lại nơi làm việc khi có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của người lao động.

đ) Bảo đảm máy, thiết bị vật tư chất được sử dụng vận hành, bảo trì, bảo quản tại nơi làm việc theo quy chuẩn về an toàn vệ sinh lao động; Cử người giám sát, kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo quy định của pháp luật.

e) Hằng năm thỏa thuận với Trung tâm Cấp cứu mô về việc thực hiện công tác cứu hộ, cứu nạn, thường trực công tác cứu hộ cứu nạn.

g) Bố trí bộ phận hoặc người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động phối hợp với ban chấp hành Công đoàn cơ sở thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; Phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác ATVSLĐ.

h) Thực hiện việc khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng; Thống kê, báo cáo tình hình thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động; chấp hành quyết định của thanh tra chuyên ngành về an toàn, vệ sinh lao động.

i) Lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

k) Trong trường hợp xảy ra sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng, tai nạn lao động chết người: Tổng giám đốc/giám đốc phải trực tiếp chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị hiện có của đơn vị để thực hiện công việc cứu hộ cứu nạn, đồng thời thông báo nhanh nhất cho Trung tâm Cấp cứu mỏ, báo cáo lãnh đạo TKV và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của phòng An toàn hoặc bộ phận làm công tác ATVSLĐ chuyên trách ở các đơn vị (có quy mô sử dụng lao động từ 50 người đến dưới 1.000 người).

Thực hiện chức năng tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về công tác ATVSLĐ của đơn vị và các nhiệm vụ khác khi được giao, gồm các nhiệm vụ chủ yếu sau:

a) Tham mưu xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; phòng, chống cháy, nổ; phối hợp với các phòng ban liên quan xây dựng kế hoạch ƯCSC- TKCN, ƯCKC theo quy định. Tổ chức đánh giá rủi ro tại hiện trường các phân xưởng. Theo dõi việc khai báo, kiểm định máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động. Đề xuất, tổ chức thực hiện hoạt động thông tin, tuyên truyền, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động; sơ cứu, cấp cứu, phòng, chống bệnh nghề nghiệp, cho người lao động.

b) Xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm. Đối với các công việc phát sinh trong năm kế hoạch thì phải bổ sung nội dung phù hợp vào kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định; Kế hoạch ATVSLĐ phải lập đồng thời với kế hoạch sản xuất, khi xét duyệt kế hoạch sản xuất phải xét duyệt kế hoạch ATVSLĐ và tổ chức thực hiện kế hoạch ATVSLĐ đúng nội dung, tiến độ đã được duyệt.

c) Điều tra tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật và của TKV.

d) Phối hợp bộ phận y tế tham mưu giúp giám đốc đơn vị tổ chức giám sát, kiểm soát yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại, rà soát bổ sung hàng năm theo quy định, đề ra các biện pháp loại trừ và phổ biến đến người lao động.

đ) Tổng hợp và đề xuất với giám đốc giải quyết kiến nghị của đoàn thanh tra, đoàn kiểm tra và người lao động về an toàn, vệ sinh lao động.

e) Tham mưu, phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của an toàn, vệ sinh viên; Tổ chức thi đua, khen thưởng, xử lý kỷ luật, thống kê, báo cáo công tác ATVSLĐ theo quy định.

g) Là đầu mối cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu của đoàn điều tra TNLĐ của TKV, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi đơn vị có TNLĐ chết người hoặc sự cố lớn.

h) Xây dựng kế hoạch kiểm tra, chủ trì tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác ATVSLĐ. Trong quá trình kiểm tra việc thực hiện ATVSLĐ tại hiện trường sản xuất nếu phát hiện thấy các vi phạm hoặc các nguy cơ xảy ra sự cố, tai nạn lao động có quyền ra lệnh đình chỉ hoặc yêu cầu người phụ trách bộ phận sản xuất ra lệnh tạm đình chỉ để thực hiện các biện pháp cần thiết đảm bảo an toàn lao động, đồng thời yêu cầu người đứng đầu bộ phận được kiểm tra chỉ đạo thực hiện các biện pháp khắc phục sau đó báo cáo với giám đốc hoặc phó giám đốc về quyết định của mình và chịu trách nhiệm về sự đúng đắn, hợp lý của các quyết định đó.

i) Tham mưu với giám đốc trong việc áp dụng các kết quả nghiên cứu, tiến bộ khoa học kỹ thuật về lĩnh vực ATVSLĐ vào sản xuất, góp phần cải thiện điều kiện lao động.

k) Được tham dự các cuộc họp giao ban sản xuất, sơ kết, tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị và kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch ATVSLĐ; tham dự các cuộc họp về xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, thẩm định các thiết kế, biện pháp thi công, nghiệm thu và tiếp nhận đưa vào sử dụng nhà xưởng mới xây dựng, thiết bị mới lắp đặt hoặc sau cải tạo, mở rộng. Được giám đốc bố trí thời gian tham dự lớp huấn luyện, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trung tâm cấp cứu mỏ - Vinacomin

Trung tâm Cấp cứu mỏ hoạt động theo “Quy định về tổ chức và hoạt động của lực lượng cấp cứu mỏ chuyên trách” của Bộ Công nghiệp ban hành theo Quyết định số 91/2004/QĐ/BCN ngày 15/9/2004, Quyết định 769/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2007 về việc bổ sung thành viên và cơ quan thường trực chuyên ngành của Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn và Nghị định 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2017 về quy định tổ chức hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Hằng năm căn cứ vào hợp đồng phối hợp kinh doanh của TKV với các đơn vị, Trung tâm cấp cứu mỏ chủ động ký thoả thuận với TKV và các đơn vị để thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Công tác huấn luyện

Chịu trách nhiệm tổ chức rèn luyện, huấn luyện nâng cao thể lực, kỹ thuật, chiến thuật cho các đội viên cấp cứu mỏ chuyên trách của đơn vị và lực lượng cấp cứu mỏ bán chuyên của các mỏ hầm lò trong Tập đoàn, định kỳ luân chuyển cán bộ,

chiến sỹ của Trung tâm với các mỏ hầm lò theo quy định. Tổ chức hội thao cấp cứu mỏ bán chuyên, cấp cứu mỏ chuyên nghiệp định kỳ 2 năm/lần.

2. Công tác kiểm tra phòng ngừa

a) Thực hiện kế hoạch ứng cứu sự cố - tìm kiếm cứu nạn, thường trực công tác cứu hộ cứu nạn với các đơn vị theo thỏa thuận cụ thể: Thỏa thuận Phương án Ứng cứu sự cố- tìm kiếm cứu nạn; Quy chế phối hợp chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ với các công ty sản xuất than hầm lò theo Quy chuẩn QCVN 01:2011/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác than hầm lò; Quy chuẩn QCVN 04:2017/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác Quặng hầm lò; Các đơn vị sản xuất lộ thiên theo Quy chuẩn QCVN 04: 2009/BCT của Bộ Công thương về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên; Các nhà máy điện, sàng tuyển theo Luật số: 27/2001/QH-10 Luật phòng cháy và chữa cháy, Luật số 40/2013/QH-13 ngày 22/11/2013, Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 20/2009/TT-BCT ngày 7/7/2009 của Bộ Công thương về công tác phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

b) Sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định các thiết bị đo khí; Kiểm tra, thử nghiệm đánh giá độ tin cậy cho các loại bình tự cứu dùng trong mỏ hầm lò và các thiết bị phục vụ công tác kiểm tra khí mỏ, thiết bị cấp cứu mỏ.

c) Tổ chức kiểm tra phòng ngừa sự cố ở các đơn vị sản xuất than hầm lò trong TKV và tổng hợp báo cáo Tập đoàn thông qua ban An toàn. Khi kiểm tra phát hiện thấy các nguy cơ mất an toàn phải lập biên bản và báo ngay cho phòng Điều khiển sản xuất hoặc lãnh đạo đơn vị biết để xử lý kịp thời. Thực hiện đo, lấy mẫu không khí mỏ và phân tích các mẫu khí mỏ phục vụ cho việc phân hạng mỏ theo quy định.

d) Tư vấn cho giám đốc các công ty sản xuất than hầm lò trong việc mua sắm các trang thiết bị an toàn mỏ, thiết bị cấp cứu mỏ, phương tiện, dụng cụ cấp cứu mỏ cũng như biên chế lực lượng cấp cứu mỏ bán chuyên.

đ) Lập và thực hiện kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị bổ sung, thay thế trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho hoạt động của Trung tâm Cấp cứu mỏ.

e) Giám sát hàm lượng khí mỏ hầm lò qua hệ thống cảnh báo khí tập trung, cảnh báo đến các đơn vị và tham gia các biện pháp đảm bảo an toàn.

3. Giải quyết ứng cứu sự cố - tìm kiếm cứu nạn

a) Khi nhận được tin báo của lãnh đạo các đơn vị về sự cố xảy ra, phải lập tức huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị cần thiết có mặt một cách nhanh nhất ở nơi xảy ra sự cố, báo cáo sự cố mặt và nhận mệnh lệnh của người chỉ huy công tác ứng cứu sự cố - tìm kiếm cứu nạn; tổ chức phối hợp với lực lượng cấp cứu mỏ bán chuyên của đơn vị sở tại làm nhiệm vụ cứu người bị nạn đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

b) Tham gia trực tiếp theo khả năng của Trung tâm để cứu hộ khắc phục hậu quả sự cố khi đơn vị xảy ra sự cố yêu cầu. Rút kinh nghiệm về các sự cố và xử lý sự cố có liên quan đến công tác cấp cứu mỏ.

c) Chế độ thống kê, báo cáo

- Thực hiện chế độ thống kê, lưu trữ các tài liệu về sự cố mỏ trong phạm vi TKV mà đơn vị đã trực tiếp tham gia giải quyết.

- Thực hiện chế độ báo cáo với các cơ quan chức năng Nhà nước và TKV theo các quy định hiện hành.

d) Tham gia ứng cứu sự cố - tìm kiếm cứu nạn ở các đơn vị ngoài TKV khi có yêu cầu của Ban chỉ đạo ứng cứu sự cố - tìm kiếm cứu nạn tỉnh Quảng Ninh, hoặc Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn khi có sự đồng ý của lãnh đạo TKV.

Điều 13. Trung tâm An toàn mỏ thuộc Viện khoa học Công nghệ mỏ-Vinacomin

Hàng năm căn cứ vào hợp đồng phối hợp kinh doanh của TKV với các đơn vị, Trung tâm An toàn mỏ chủ động thỏa thuận với các đơn vị để thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Lấy mẫu than, khí, gia công, phân tích, đánh giá, xác định độ chứa khí mêtan tự nhiên của vỉa than, độ thoát khí mê tan tương đối của các mỏ than hầm lò, đề xuất phân cấp khí mỏ theo mức độ chứa khí, thoát khí theo quy định.

2. Lấy mẫu than, khí, gia công, phân tích, đánh giá xác định mức độ tự cháy của các vỉa than và dự báo, phát hiện sớm than tự cháy tại các mỏ than hầm lò.

3. Phổ biến, trình diễn cháy nổ khí mê tan cho cán bộ, công nhân làm việc trong hầm lò định kỳ 2 năm 1 lần.

4. Tham gia kiểm tra các đơn vị về việc thực hiện ATVSLĐ ở các công ty con, đơn vị trực thuộc và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của lãnh đạo TKV.

5. Tư vấn, thiết kế, đào tạo, chuyển giao công nghệ: Khoan tháo khí, thu hồi khí mê tan, hệ thống buồng kín khí, hệ thống chống cháy lan truyền, hệ thống dập bụi mỏ và hệ thống làm mát không khí mỏ tại các mỏ hầm lò theo các quy định.

6. Giám sát hàm lượng khí mỏ hầm lò qua hệ thống cảnh báo khí tập trung và cảnh báo đến các đơn vị (phải mở sổ theo dõi ghi chép lại thời gian cảnh báo, người cảnh báo); Thực hiện bảo trì các hệ thống quan trắc khí mỏ tập trung của các đơn vị khai thác than hầm lò.

7. Định kỳ 2 năm 1 lần hướng dẫn, đào tạo phương pháp khoan lấy mẫu xác định độ chứa khí mê tan của vỉa than, lấy mẫu than xác định mức độ tự cháy của vỉa than, lấy mẫu không khí mỏ để dự báo và phát hiện sớm hiện tượng than tự cháy.

8. Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị điện phòng nổ, vật liệu nổ công nghiệp, máy đo khí, máy đo gió, máy bắn mìn, máy đo điện trở kíp, vật liệu phi kim loại, cột chống thủy lực đơn, van thủy lực, đường ống thủy lực theo quy định.

Điều 14. Quyền, trách nhiệm của tổ chức Công đoàn TKV trong công tác ATVSLĐ

1. Tham gia với người sử dụng lao động cùng cấp xây dựng và giám sát việc thực hiện kế hoạch, quy định, nội quy, quy trình, biện pháp bảo đảm ATVSLĐ, cải thiện điều kiện lao động.

2. Đại diện cho tập thể người lao động thương lượng, ký kết và giám sát việc thực hiện điều khoản về an toàn, vệ sinh lao động trong thỏa ước lao động tập thể; có trách nhiệm giúp đỡ người lao động khiếu nại, khởi kiện khi quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng bị xâm phạm.

3. Đối thoại với người sử dụng lao động để giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động về an toàn, vệ sinh lao động.

4. Tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động cùng cấp tổ chức kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh lao động; giám sát và yêu cầu người sử dụng lao động thực hiện đúng các quy định về an toàn, vệ sinh lao động; tham gia, phối hợp với người sử dụng lao động điều tra tai nạn lao động và giám sát việc giải quyết chế độ, đào tạo nghề và bố trí công việc cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

5. Kiến nghị với người sử dụng lao động cùng cấp, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, khắc phục hậu quả sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

6. Tuyên truyền, vận động người lao động, người sử dụng lao động thực hiện tốt các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc. Phối hợp với người sử dụng lao động tổ chức tập huấn, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ công đoàn và người lao động.

7. Yêu cầu người có trách nhiệm thực hiện ngay biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, kê cả trường hợp phải tạm ngừng hoạt động nếu cần thiết khi phát hiện nơi làm việc có nguy cơ gây nguy hiểm đến sức khỏe, tính mạng của người lao động.

8. Tham gia Đoàn điều tra tai nạn lao động đúng quy định, phối hợp với người sử dụng lao động để ứng cứu, khắc phục hậu quả sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động, tai nạn lao động.

9. Phối hợp với người sử dụng lao động cùng cấp tổ chức các phong trào thi đua, phong trào quần chúng làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và xây dựng văn

hóa an toàn lao động tại nơi làm việc; quản lý, hướng dẫn hoạt động của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên.

Điều 15. Trách nhiệm của Bệnh viện Than- Khoáng sản trong công tác ATVSLĐ.

1. Hằng năm tổng hợp, phân tích kết quả điều trị bệnh nghề nghiệp để tham mưu cho lãnh đạo TKV, lãnh đạo các đơn vị những giải pháp, biện pháp nhằm tăng cường sức khỏe cho người lao động trong TKV.

2. Đầu tư các máy, thiết bị chuyên dụng, tiên tiến, có tính năng thân thiện với môi trường vào điều trị, hỗ trợ điều trị cho cán bộ công nhân trong ngành và Nhân dân địa phương.

3. Tham gia trực giải quyết sự cố ở các công ty con, đơn vị trực thuộc khi có yêu cầu, thoả thuận, lệnh của lãnh đạo TKV.

Chương III

CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN ATVSLĐ - NHỮNG QUY ĐỊNH TRONG CÔNG TÁC HUẤN LUYỆN ATVSLĐ

Điều 16. Đối tượng tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động
Đối tượng tham dự khóa huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động được quy định thành các nhóm sau đây:

1. Nhóm 1: Người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động bao gồm:

a) Người đứng đầu đơn vị, cơ sở sản xuất, kinh doanh và phòng, ban, chi nhánh trực thuộc; phụ trách bộ phận sản xuất, kinh doanh, kỹ thuật; quản đốc phân xưởng hoặc tương đương;

b) Cấp phó của người đứng đầu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này được giao nhiệm vụ phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động.

2. Nhóm 2: Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động bao gồm:

a) Chuyên trách, bán chuyên trách về an toàn, vệ sinh lao động của đơn vị.

b) Người trực tiếp giám sát về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

3. Nhóm 3: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động là người làm công việc thuộc Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

4. Nhóm 4: Người lao động không thuộc các nhóm theo quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 Điều này, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.

5. Nhóm 5: Người làm công tác y tế.

6. Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên.

Điều 17. Nội dung huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động

1. Huấn luyện nhóm 1

a) Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Nghiệp vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động bao gồm: Tổ chức bộ máy, quản lý và thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; Phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động; kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động; văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh.

2. Huấn luyện nhóm 2

a) Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Nghiệp vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động: Tổ chức bộ máy, quản lý và thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; Xây dựng nội quy, quy chế, quy trình, biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; Phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động; văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh; kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động; Xây dựng, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm; Phân tích, đánh giá rủi ro và xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp; xây dựng hệ thống quản lý về an toàn, vệ sinh lao động; nghiệp vụ công tác tự kiểm tra; Công tác Điều tra tai nạn lao động; Những yêu cầu của công tác kiểm định, huấn luyện và quan trắc môi trường lao động; Quản lý máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động; Hoạt động thông tin, tuyên truyền, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động; Sơ cấp cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động; Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật, thống kê, báo cáo công tác an toàn, vệ sinh lao động.

c) Nội dung huấn luyện chuyên ngành: Kiến thức tổng hợp về máy, thiết bị, vật tư, chất phát sinh yếu tố nguy hiểm, có hại; quy trình làm việc an toàn với máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

3. Huấn luyện nhóm 3

a) Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

b) Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động: Chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động; Kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc và phương pháp cải thiện điều kiện lao động; Chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; Văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh; Nội quy an toàn, vệ sinh lao động, biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao

động và sử dụng thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân; nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

c) Nội dung huấn luyện chuyên ngành: Kiến thức tổng hợp về máy, thiết bị, vật tư, chất phát sinh các yếu tố nguy hiểm, có hại và phương pháp phân tích, đánh giá, quản lý rủi ro liên quan đến công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động mà người được huấn luyện đang làm; quy trình làm việc an toàn, vệ sinh lao động; Kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động liên quan đến công việc của người lao động.

4. Huấn luyện nhóm 4

a) Kiến thức cơ bản về an toàn, vệ sinh lao động: Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động; Chính sách, chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động; Kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại tại nơi làm việc và phương pháp cải thiện điều kiện lao động; Chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới an toàn, vệ sinh viên; Văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh; Nội quy an toàn, vệ sinh lao động, biển báo, biển chỉ dẫn an toàn, vệ sinh lao động và sử dụng các thiết bị an toàn, phương tiện bảo vệ cá nhân, nghiệp vụ, kỹ năng sơ cứu tai nạn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp.

b) Huấn luyện trực tiếp tại nơi làm việc: Quy trình làm việc và yêu cầu cụ thể về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

5. Huấn luyện nhóm 5

a) Hệ thống chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

b) Nghiệp vụ công tác an toàn, vệ sinh lao động bao gồm: Tổ chức bộ máy, quản lý và thực hiện quy định về an toàn, vệ sinh lao động ở cơ sở; Phân định trách nhiệm và giao quyền hạn về công tác an toàn, vệ sinh lao động; Kiến thức cơ bản về yếu tố nguy hiểm, có hại, biện pháp phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động; văn hóa an toàn trong sản xuất, kinh doanh;

c) Huấn luyện cấp Chứng chỉ chứng nhận chuyên môn về y tế lao động: Yếu tố có hại tại nơi làm việc; Tổ chức quan trắc môi trường lao động để đánh giá yếu tố có hại; lập hồ sơ vệ sinh lao động tại nơi làm việc; Các bệnh nghề nghiệp thường gặp và biện pháp phòng chống; Cách tổ chức khám bệnh nghề nghiệp, khám bố trí việc làm, chuẩn bị hồ sơ giám định bệnh nghề nghiệp; Tổ chức và kỹ năng sơ cứu, cấp cứu; phòng chống dịch bệnh tại nơi làm việc; An toàn thực phẩm; quy trình lấy và lưu mẫu thực phẩm; Tổ chức thực hiện bồi dưỡng hiện vật và dinh dưỡng cho người lao động; Nâng cao sức khỏe nơi làm việc, phòng chống bệnh không lây nhiễm tại nơi làm việc; Kiến thức, kỹ năng, phương pháp xây dựng kế hoạch, phương án, trang bị phương tiện và điều kiện cần thiết để thực hiện công tác vệ sinh lao động; phương pháp truyền thông giáo dục về vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp; Lập và quản lý thông tin về vệ sinh lao động, bệnh nghề nghiệp tại nơi làm việc; lập và quản lý hồ sơ sức khỏe người lao động, hồ sơ sức khỏe của người bị bệnh nghề nghiệp. Công tác phối hợp với người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động

động hoặc bộ phận quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động để thực hiện nhiệm vụ liên quan theo quy định.

6. Huấn luyện nhóm 6

Người lao động tham gia mạng lưới an toàn, vệ sinh viên ngoài nội dung huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động theo quy định còn được huấn luyện bổ sung về kỹ năng và phương pháp hoạt động của an toàn, vệ sinh viên.

Điều 18. Thời gian huấn luyện

1. Thời gian huấn luyện lần đầu tối thiểu được quy định như sau:

a). Nhóm 1, nhóm 4: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 16 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.

b). Nhóm 2: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 48 giờ, bao gồm cả thời gian huấn luyện lý thuyết, thực hành và kiểm tra.

c). Nhóm 3: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 24 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.

d). Nhóm 5: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 56 giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra. Trong đó, thời gian huấn luyện cấp Chứng chỉ chứng nhận chuyên môn y tế lao động ít nhất là 40 giờ, nội dung huấn luyện cấp giấy chứng nhận an toàn, vệ sinh lao động ít nhất là 16 giờ.

đ). Nhóm 6: Tổng thời gian huấn luyện ít nhất là 4 giờ ngoài nội dung đã được huấn luyện về ATVSLĐ.

2. Thời gian huấn luyện định kỳ đối với các nhóm ít nhất bằng 50% thời gian huấn luyện lần đầu.

a) Các nhóm 1, 2, 3 được huấn luyện định kỳ ít nhất 2 năm một lần kể từ ngày Chứng nhận huấn luyện được cấp có hiệu lực cấp.

b) Nhóm 4, 6: Định kỳ mỗi năm 01 lần.

c) Nhóm 5: Người làm công tác y tế thực hiện việc cập nhật kiến thức theo Quy định tại Điều c, Khoản 3, Điều 73 Luật ATVSLĐ.

Điều 19. Quy định huấn luyện ATVSLĐ

1. Tất cả người lao động: Tuyển mới, người học nghề, tập nghề, thử việc, người lao động hành nghề tự do được đơn vị thuê, sử dụng trước khi vào đơn vị làm việc điều phải huấn luyện ATVSLĐ.

2. Người lao động tuyển mới phải được huấn luyện ATVSLĐ đủ ba bước: Bước 1, bước 2, bước 3 (kèm cặp, thử việc).

3. Khi người lao động được điều động làm từ công việc này sang công việc khác hoặc khi có sự thay đổi về thiết bị, công nghệ thì trước khi giao việc phải được huấn luyện về ATVSLĐ phù hợp với công việc mới hoặc thiết bị công nghệ mới và

được cấp Giấy chứng nhận mới hoặc Thẻ an toàn mới hoặc ghi vào sổ theo dõi huấn luyện của đơn vị theo quy định của Nhà nước.

4. Người lao động không thực hiện đúng hoặc vi phạm các nội quy, quy trình, quy định, biện pháp, hộ chiếu KTAT phải được huấn luyện lại các nội dung chưa thực hiện đúng, các nội dung đã vi phạm để thực hiện tốt công việc của mình, đảm bảo an toàn cho bản thân và đồng đội trong quá trình làm việc.

Điều 20. Huấn luyện an toàn bước 1

1. Nội dung huấn luyện:

a) Sơ bộ về sơ đồ tổ chức, điều hành sản xuất của đơn vị. Những kiến thức cơ bản về kỹ thuật ATVSLĐ. Nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động của đơn vị (nội quy đi lại, làm việc tại hiện trường đơn vị sắp bố trí công việc cho người lao động).

b) Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

c) Điều kiện lao động, các yếu tố nguy hiểm độc hại có thể gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố và biện pháp phòng ngừa. Các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc.

d) Cách xử lý các tình huống và các phương pháp sơ, cấp cứu người bị tai nạn, sự cố xảy ra. Công dụng, cách sử dụng, bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân.

2. Thời gian huấn luyện: Tổng thời gian huấn luyện 24 giờ (3 ngày), bao gồm cả thời gian làm bài kiểm tra, sát hạch.

3. Hình thức kiểm tra:

a) Viết tay hoặc trắc nghiệm; kết quả kiểm tra được lưu trữ trong hồ sơ cá nhân tại đơn vị.

b) Sau khi huấn luyện kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu người lao động phải ký vào sổ theo dõi huấn luyện.

Điều 21. Huấn luyện an toàn bước 2

Là bước huấn luyện mà sau khi người được huấn luyện đã hoàn thành chương trình huấn luyện bước 1 tại đơn vị đạt yêu cầu và có quyết định của giám đốc đơn vị điều động về phân xưởng trực tiếp quản lý hoặc các đối tượng điều chuyển Phân xưởng (điều chuyển công việc từ phân xưởng đang làm sang làm công việc mới tại phân xưởng khác).

1. Nội dung huấn luyện:

a) Sơ đồ tổ chức sản xuất của phân xưởng, nội quy đi lại, làm việc tại khai trường sản xuất phân xưởng. Các yếu tố nguy hiểm độc hại có thể gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, sự cố theo công việc đặc thù tại phân xưởng và biện pháp phòng ngừa.

b) Phổ biến quy trình, quy định, biện pháp KTAT, hộ chiếu kỹ thuật thi công và biện pháp an toàn; cách sử dụng, bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân được trang cấp trong quá trình làm việc. Các biện pháp cải thiện điều kiện làm việc.

c) Phổ biến sơ đồ UCSC-TKCN hoặc U'CKC hướng rút an toàn của người lao động đối với từng sự cố (giả định) xảy ra.

2. Thời gian huấn luyện: 08 giờ (01 ngày) kể cả thời gian huấn luyện và làm bài kiểm tra, sát hạch.

3. Hình thức kiểm tra: Viết tay. Sau khi huấn luyện kiểm tra sát hạch đạt yêu cầu người lao động phải ký vào sổ theo dõi huấn luyện và được lưu tại đơn vị.

4. Người huấn luyện: Quản đốc, Trưởng phòng được tiếp nhận người mới.

Điều 22. Huấn luyện an toàn bước 3 (kèm cặp, thử việc).

Là bước huấn luyện mà sau khi người được huấn luyện đã hoàn thành chương trình huấn luyện bước 2 sát hạch đạt yêu cầu.

1. Nội dung huấn luyện:

a) Quản đốc, Trưởng phòng trực tiếp hướng dẫn cho người mới đến hiện trường làm việc; giới thiệu, phổ biến các quy định, tín hiệu, biển báo an toàn ...

b) Phân công người kèm cặp người mới làm việc trong thời gian thử việc.

c) Hết thời gian kèm cặp, thủ trưởng đơn vị và người được giao kèm cặp nhận xét, xác nhận kết quả kèm cặp vào sổ theo dõi kèm cặp, lưu tại đơn vị.

2. Thời gian huấn luyện, tổ chức thực hiện:

a) Thời gian hướng dẫn thực tế tại hiện trường 8 giờ (1 ngày), cụ thể: Quản đốc phân xưởng hoặc người được uỷ quyền hướng dẫn thực tế hiện trường làm việc.

b) Thời gian kèm cặp: 01 tháng đối với người mới tuyển dụng, học sinh tập nghề, thử việc kèm cặp đến khi thực tập xong, cụ thể: Quản đốc phân xưởng cử thợ bậc cao hoặc công nhân lành nghề (người có ít nhất 5 năm kinh nghiệm) của phân xưởng kèm cặp.

Chương IV

QUY ĐỊNH KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN, THỬ NGHIỆM CÁC LOẠI MÁY, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, CHẤT CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ ATVSLĐ

Điều 23. Quy định kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ.

1. Tất cả các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động tại: Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ LĐTB&XH, Danh mục các thiết bị điện phòng nổ sử dụng trong hầm lò tại điểm C mục VI Phụ lục IV QCVN 01:2011/BCT, Quy chuẩn QCVN 01:2018/BCT về an toàn bình tự cứu cá nhân được sử dụng trong TKV đều đều phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của nhà nước và TKV.

2. Các thiết bị điện phòng nổ sử dụng trong mỏ hầm lò có khí và bụi nổ đưa vào sử dụng ở các đơn vị trong TKV phải thực hiện việc kiểm định lần đầu tại các đơn vị kiểm định có chức năng và năng lực của TKV.

3. Việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải thực hiện theo đúng quy định tại: Thông tư 09/2017/TT-BCT ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ Công Thương, Thông tư số 10/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ Công thương ban hành quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công thương, Thông tư 12/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương và một số quy trình kiểm định ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2017. Quy chuẩn QCVN 01:2018/BCT về an toàn bình tự cứu cá nhân.

Điều 24. Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động

1. Các đơn vị căn cứ vào Danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động tại: Thông tư 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Bộ LĐTB&XH, Quy chuẩn QCVN 01:2018/BCT về an toàn bình tự cứu cá nhân, Danh mục các thiết bị điện phòng nổ tại điểm C mục VI Phụ lục IV QCVN 01:2011/BCT để lập kế hoạch và triển khai thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động tại đơn vị theo đúng quy định hiện hành.

2. Các đơn vị có chức năng và năng lực kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của TKV xây dựng quy trình, quy định về kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đúng với các quy định của nhà nước hiện hành.

Chương V **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ TRONG CÔNG TÁC ATVSŁĐ**

Điều 25. Đối với TKV

1. Tổng Giám Đốc TKV chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về công tác ATVSŁĐ của TKV.

2. Các Phó Tổng giám đốc TKV chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc TKV về công tác ATVSŁĐ ở khối, lĩnh vực do mình phụ trách.

3. Các Phó giám đốc Trung tâm Điều hành sản xuất tại Quảng Ninh chịu trách nhiệm trước Phó Tổng giám đốc TKV phụ trách công tác ATVSLĐ.

4. Trưởng các ban của TKV chịu trách nhiệm trước Tổng Giám Đốc và Phó Tổng giám đốc TKV phụ trách về công tác ATVSLĐ ở khối, lĩnh vực do mình phụ trách.

5. Phó trưởng ban, trưởng phòng, phó trưởng phòng, các chuyên viên thông qua hệ thống KPI để Trưởng các ban đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng tháng, quý và mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm của từng thành viên.

Điều 26. Đối với các đơn vị

1. Quy định về tần suất TNLĐ chết người phải xem xét xử lý trách nhiệm:

a) Đối với các đơn vị khai thác than hầm lò có sản lượng khai thác trên một triệu tấn than, khoáng sản nguyên khai/năm: Mức tần suất TNLĐ làm chết > 2 người/triệu tấn than, khoáng sản nguyên khai/năm.

b) Đối với các đơn vị khai thác than lộ thiên: Mức tần suất TNLĐ làm chết >0,5 người/triệu tấn than, khoáng sản nguyên khai trong năm.

c) Đối với các đơn vị khác: Mức tần suất TNLĐ làm chết từ 2 người trở lên trong năm.

2. Trình tự xem xét xử lý trách nhiệm cán bộ:

a) Đơn vị để xảy ra TNLĐ vượt tần suất được quy định tại khoản 1 điều này, Tổng giám đốc TKV chỉ đạo làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm, đề xuất hình thức xử lý và báo cáo Hội đồng thành viên xem xét quyết định.

b) Trường hợp đơn vị để xảy ra TNLĐ làm chết nhiều người (>2 người/vụ) hoặc vụ TNLĐ bị đánh giá là gây hậu quả nghiêm trọng, làm thiệt hại lớn về vật chất, ảnh hưởng lớn đến uy tín của TKV, Tổng giám đốc TKV chỉ đạo làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của cán bộ có liên quan; đề xuất xem xét xử lý trách nhiệm ngay cán bộ có liên quan theo thẩm quyền, không phải chờ đến kết thúc năm.

c) Phân cấp xử lý cán bộ: Thực hiện theo Quy chế cán bộ của TKV và các đơn vị, trong đó:

- Đối với cán bộ thuộc diện các đơn vị quản lý: Tổng giám đốc/Giám đốc các đơn vị xử lý những người có lỗi và gửi văn bản báo cáo về TKV (thông qua ban An toàn, ban Tổ chức nhân sự).

- Đối với cán bộ thuộc diện TKV quản lý:

+ Hội đồng thành viên xem xét cho ý kiến về nội dung trình của Tổng giám đốc TKV và quyết định xử lý cán bộ vi phạm thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.



+ Tổng giám đốc TKV xử lý đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng giám đốc TKV, sau đó báo cáo Hội đồng thành viên kết quả xử lý.

Chương VI CHẾ ĐỘ BÁO CÁO - SINH HOẠT

Điều 27. Chế độ báo cáo

Các đơn vị thực hiện chế độ khai báo, thống kê TNLĐ, sự cố và báo cáo định kỳ về ATVSLĐ với các cơ quan chức năng Nhà nước và TKV cụ thể như sau:

1. Đối với các cơ quan quản lý Nhà nước: Các đơn vị thực hiện chế độ khai báo, thống kê TNLĐ, bệnh nghề nghiệp, sự cố và báo cáo định kỳ, đột suất về ATVSLĐ với các cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Đối với TKV:

a) Các đơn vị thực hiện chế độ khai báo, thống kê TNLĐ, bệnh nghề nghiệp, sự cố loại I, loại II và báo cáo định kỳ về ATVSLĐ quý (*trước ngày 06 tháng đầu tiên của quý kế tiếp*), 6 tháng (*trước ngày 06 tháng 7*), năm (*trước ngày 06 tháng 01 năm kế tiếp*); Tất cả báo cáo của các đơn vị gửi về Tập đoàn thông qua địa chỉ: banantoan@vinacomin.vn.

b) Khi có sự cố loại I hoặc TNLĐ chết người: Giám đốc hoặc người được Giám đốc ủy quyền báo cáo TKV (*Ban SXT, AT, TGD TKV, Chủ tịch HĐTV*); Ban SXT có trách nhiệm báo cáo các thành viên HĐTV, PTGD phụ trách, các Ban liên quan lĩnh vực SX than; Ban AT có trách nhiệm báo cáo các TV HĐTV, PTGD phụ trách, các Ban liên quan đến lĩnh vực khác ngoài than.

Điều 28. Chế độ sinh hoạt

1. Tùy theo tình hình hoạt động cụ thể về công tác ATVSLĐ, các đơn vị tự tổ chức họp chuyên đề về an toàn khi thấy cần thiết, nhưng mỗi năm phải tổ chức họp ít nhất 2 lần (sơ kết 6 tháng và tổng kết năm).

2. TKV tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng và tổng kết công tác ATVSLĐ năm (*hình thức, thời gian tùy vào tình hình thực tế, Tổng giám đốc TKV quyết định*).

3. Hằng tháng các đơn vị chỉ đạo các công trường, phân xưởng tổ chức sinh hoạt mạng lưới an toàn vệ sinh viên và tổ chức họp rút kinh nghiệm, đánh giá kết quả tự kiểm tra của phân xưởng theo quy định.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế cho các quyết định: Quyết định số: 1721/QĐ- HĐQT ngày 23 tháng 7 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, Quyết định số: 1941/QĐ- TKV ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Than- Khoáng sản Việt Nam và bãi bỏ Quyết định 797/QĐ- TKV ngày 14 tháng 4 năm 2009 về việc ban hành quy định kiểm định thiết bị điện phòng nổ, thiết bị an toàn sử dụng trong các mỏ hầm lò.

Điều 30. Các đơn vị căn cứ vào Quy chế này và quy định của Pháp luật, thực tế sản xuất của đơn vị để xây dựng và ban hành Quy chế/quy định quản lý công tác ATVSLĐ của đơn vị mình; Quy chế/quy định phải phù hợp với các quy định của Pháp luật và Quy chế này cũng như các quy chế, quy định quản lý, điều hành của TKV.

Điều 31. Tổng giám đốc TKV, các Phó tổng giám đốc TKV, Trưởng các Ban của TKV, Tổng giám đốc/giám đốc công ty con, đơn vị trực thuộc, người đại diện phần vốn của TKV tại các công ty con có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy chế này kể từ tháng năm 2021. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, báo cáo bằng văn bản về ban An toàn để ban An toàn tổng hợp trình Tổng giám đốc TKV xem xét báo cáo HĐTV sửa đổi, bổ sung./.
